

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 19 - 02 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Ông Lê Văn Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 664/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 và Quyết định về việc thay đổi người tiến hành tố tụng số 31/2020/QĐCA-TA ngày 18/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phượng T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Phượng Trinh: Bà Nguyễn Thượng Tân C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Thành S, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Cùng cư trú: Tổ 3, ấp Vĩnh Tường 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2019, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thượng Tân C trình bày:

Bà Nguyễn Phụng T có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi khởi sự vào ngày 15/6/2017al, hụi gồm 23 phần, ngày mở 15/6/2017al, hụi huê hồng (hụi viên hốt hụi thì bà L được hưởng 1.200.000 đồng huê hồng), ngày mãn 15/5/2019al, dây hụi này bà T tham gia 02 phần và châu hụi sống được tổng cộng 108.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khởi sự vào ngày 30/4/2018al, hụi gồm 25 phần, ngày mở 30/4/2018al, hụi huê hồng (hụi viên hốt hụi thì bà L được hưởng 800.000 đồng huê hồng), ngày mãn 30/5/2020al, dây hụi này bà T tham gia 02 phần và châu hụi sống được tổng cộng 28.000.00 đồng.

Như vậy, tổng cộng 02 dây hụi bà L, ông S còn nợ bà T số tiền 136.000.000 đồng. Sau khi bà L bị bể hụi và trong khoảng thời gian từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/5/2019 bà L có trả cho bà T mỗi tháng 5.000.000 đồng được tổng số tiền là 25.000.000 đồng và còn nợ lại bà T số tiền hụi là 111.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2019, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông S cùng với bà L có trách nhiệm trả cho bà T số nợ tiền hụi là 111.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả cho bà T số nợ tiền hụi là 111.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2019, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà L có trách nhiệm trả cho bà T số nợ tiền hụi là 111.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả cho bà T số nợ tiền hụi là 86.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà C xác định bà T yêu cầu bà L trả cho bà T số tiền nợ hụi là 86.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án: Bà L thừa nhận có làm chủ 02 dây hụi, hình thức hụi, giá trị phần hụi, ngày mở hụi, hụi gồm bao nhiêu phần như lời trình bày trên của bà C. Số tiền hụi bà T châu hụi sống là 111.000.000 đồng của 02 dây hụi, bà L có trả cho bà T được 25.000.000 đồng và còn lại nợ lại bà T 86.000.000 đồng.

Do bể hụi, bà L thừa nhận và đồng ý trả cho bà T số tiền nợ 02 dây hụi là 86.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xin hẹn đến tháng 4/2020 bà L trả dứt số nợ trên cho bà T.

Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Thành S đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải nhưng bà L, ông S vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 -71- 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đỗ Thành S và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà L.

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà C yêu cầu bà L trả cho bà T tổng số tiền còn nợ 02 dây hụi là 86.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà T có rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền lãi hụi 25.000.000 đồng và không yêu cầu ông S có trách nhiệm cùng với bà L trả số nợ hụi trên.

Trên cơ sở yêu cầu của đại diện nguyên đơn và sự đồng ý trả nợ của bị đơn, xét thấy, sự thừa nhận nợ tiền hụi còn lại của bị đơn bà L và yêu cầu của đại diện nguyên đơn là phù với quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ hụi còn lại là 86.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông S cùng với bà L trả số nợ trên và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với số tiền 25.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L phải chịu đối với yêu cầu của bà T được chấp nhận, hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Phượng T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Thành S trả tiền nợ hụi, đây là loại tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc khác bị đơn bà L, ông S có địa chỉ cư trú tại: Tổ 3, ấp Vĩnh Tường 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An

Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đỗ Thành S và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Thành S.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai, yêu cầu của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Nguyên đơn bà T, bị đơn bà L đều thừa nhận bà T có tham gia góp 02 dây hụi do bà L làm chủ, cụ thể như sau:

[2.1] Dây thứ nhất: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi khởi sự vào ngày 15/6/2017al, hụi gồm 23 phần, ngày mở 15/6/2017al, hụi huê hồng (hụi viên hốt hụi thì bà L được hưởng 1.200.000 đồng huê hồng), ngày mãn 15/5/2019 al, dây hụi này bà T tham gia 02 phần và châu hụi sống được 90.000.000 đồng.

[2.2] Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khởi sự vào ngày 30/4/2018al, hụi gồm 25 phần, ngày mở 30/4/2018al, hụi huê hồng (hụi viên hốt hụi thì bà L được hưởng 800.000 đồng huê hồng), ngày mãn 30/5/2020 al, dây hụi này bà T tham gia 02 phần và châu hụi sống được 21.000.00 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi trên số tiền hụi bà L còn nợ bà T là 111.000.000 đồng, bà L có trả cho bà T 25.000.000 đồng và còn nợ bà T số tiền hụi là 86.000.000 đồng.

[2.3] Bà C yêu cầu bà L trả cho bà T tổng số tiền còn nợ 02 dây hụi là 86.000.000 đồng, tại phiên tòa bà C xác định bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông S cùng bà L trả số nợ trên và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T trả đối với số tiền hụi là 86.000.000 đồng không phải là 111.000.000 đồng, bị đơn bà L thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi 86.000.000 đồng và xin hẹn vào tháng 4/2020 trả dứt số nợ tiền hụi trên cho bà T.

[2.4] Xét thấy việc bà T và bà L xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch dân sự.

[2.5] Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà T là vi phạm nghĩa vụ mà hai bên đã xác lập làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, bà C yêu cầu bà L trả tiền nợ hụi còn lại 86.000.000 đồng cho bà T, bà L đồng ý trả nhưng bà L cho rằng đang có khó khăn về kinh tế xin hẹn đến tháng 4/2020 trả dứt số nợ hụi trên cho bà T nhưng không được bà C đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà L, do đó áp dụng Điều

351, Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 86.000.000 đồng.

[2.6] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2.7] Đối với số tiền hui 25.000.000 đồng (lãi hui) và yêu cầu ông S cùng với bà L trả số nợ tiền hui, bà T rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu bà L, ông S trả 111.000.000 đồng mà yêu cầu bà L trả số nợ hui là 86.000.000 đồng, xét thấy việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện ông Đỗ Thành S.

[2.8] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Phượng T được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Phượng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 71, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 351, Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phượng T đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Phượng T số tiền hui là 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phượng T về yêu cầu ông Đỗ Thành S có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị L trả số nợ tiền hui là 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng).

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Phượng T số tiền 2.775.000 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001777

ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình

